

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>Tên ngành, nghề</b>	: Điều dưỡng
<b>Mã ngành, nghề</b>	: 6720301
<b>Trình độ đào tạo</b>	: Cao đẳng
<b>Hình thức đào tạo</b>	: Liên thông hệ vừa làm vừa học
<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	: Tốt nghiệp Trung cấp điều dưỡng
<b>Thời gian đào tạo</b>	: 2 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, an toàn trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học để cải thiện trình độ bản thân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức:

- Áp dụng được những nguyên lý về điều dưỡng, nguyên tắc chăm sóc người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, quy trình điều dưỡng để chăm sóc những bệnh thường gặp ở người lớn, phụ nữ và trẻ em theo các chuyên khoa.
- Phân tích và áp dụng nội dung các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa trong thực hành điều dưỡng.
- Áp dụng các kiến thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu, Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh, Giáo dục sức khỏe để tham gia vào công tác tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng.
- Áp dụng kiến thức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu điều dưỡng
- Vận dụng được các nội dung y đức, quản lý điều dưỡng, các qui định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân để thực hiện các quy chế, chức trách nhiệm vụ của người điều dưỡng
- Có kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn.

### **1.2.2. Kỹ năng:**

#### **1.2.2.1. Kỹ năng cứng**

- Thực hiện đúng các quy định về tiếp đón người bệnh đến khám bệnh, vào viện, ra viện, chuyển khoa; chuyển viện, đi xét nghiệm cận lâm sàng; khi người bệnh tử vong theo y lệnh của bác sĩ điều trị và sự phân công của điều dưỡng phụ trách.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện được quy trình điều dưỡng, thực hiện thành thạo và an toàn các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số kỹ thuật chuyên khoa trong chăm sóc người bệnh.
- Phối hợp với bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị người bệnh toàn diện và thực hiện tốt y lệnh của bác sĩ.
- Thực hiện khẩn trương, chính xác và có hiệu quả các quy trình sơ cấp cứu ban đầu các nạn nhân và các trường hợp bệnh nặng.
- Quản lý và bảo quản được các loại dụng cụ, thuốc men, trang thiết bị trong khoa, phòng, đơn vị.
- Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý,
- Thực hiện được các công việc hành chính, quản lý hồ sơ sổ sách, bệnh án theo sự phân công.
- Tham gia phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

#### **1.2.2.2. Kỹ năng mềm**

- Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với bác sĩ và các nhân viên y tế khác để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.
- Tham gia công tác quản lý ngành và khoa phòng, và tham gia tổ chức đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.
- Thực hiện nghiên cứu khoa học và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chăm sóc người bệnh.
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo chuẩn khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
  - + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
  - + Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### **1.2.3. Thái độ:**

- Yêu ngành, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành Y “Lương y như từ mẫu”.
- Trung thực, khách quan, chính xác và bảo đảm an toàn cho người bệnh trong thực hiện các công việc chuyên môn. Tích cực học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Tuân thủ các qui định về vô khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Người sinh viên sau khi được cấp bằng tốt nghiệp có thể được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là:
  - + Có thể làm những công việc chuyên môn về điều dưỡng tại các cơ sở khám chữa bệnh: bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở chăm sóc sức khỏe từ trung ương đến địa phương, các trung tâm y tế dự phòng, viện dưỡng lão
  - + Có thể tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học Y dược, Cao đẳng Y tế, tại các học viện, viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

### **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học: 18 môn bắt buộc, 10 môn tự chọn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 44 tín chỉ, 1170 giờ (không tính GDQP-AN)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 105 giờ (không tính GDQP-AN)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1065 giờ;
- Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 238 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 789 giờ; Kiểm tra: 38 giờ
- Tỷ lệ LT-TH: 30% - 70%

### 3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ							Ghi chú
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Số cột kiểm tra	
				TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	
<b>I.</b>	<b>Các môn học chung/ đại cương</b>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
6LT01	Chính trị - Pháp luật	4	60	4	56	0	0	0	0	4	
6LT02	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		30								(!)
6LT03a	Ngoại ngữ	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(II)
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>38</b>	<b>1065</b>	<b>17</b>	<b>238</b>	<b>9</b>	<b>261</b>	<b>12</b>	<b>528</b>	<b>38</b>	
	<i>Các môn học cơ sở</i>	<b>6</b>	<b>105</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
6LT08	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30	2	28	0	0	0	0	2	
6LT13	Dược lý	2	30	2	28	0	0	0	0	2	(II)

6LT15	Thực hành dựa theo bằng chứng	2	45	1	14	1	29	0	0	2	
	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>28</b>	<b>855</b>	<b>10</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>203</b>	<b>11</b>	<b>484</b>	<b>28</b>	
6LT20	Thực hành nghiên cứu khoa học	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(  )
6230101	Giao tiếp và thực hành Điều dưỡng	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6230102	Quản lý điều dưỡng	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6230103	Chăm sóc người bệnh Nội khoa	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(#)
6230104	LS chăm sóc người bệnh Nội khoa	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6230105	Chăm sóc người bệnh Ngoại Khoa	3	60	2	28	1	29	0	0	3	(#)
6230106	LS Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6230107	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6230108	LS Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6230109	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6230110	LS Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
6230111	Thực tập cuối khóa	3	135	0	0	0	0	3	132	3	
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn:</b>	<b>4</b>	<b>105</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>4</b>	
	<b>Nhóm 1:</b>	<b>4</b>	<b>105</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>4</b>	
6230112	Chăm sóc người bệnh cao tuổi	2	60	1	14	0	0	1	44	2	

6230113	Y học cổ truyền	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
	<b>Nhóm 2:</b>	<b>4</b>	<b>105</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>4</b>	
6230114	Chăm sóc người bệnh ung thư	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
6230115	Phục hồi chức năng	2	60	1	14	0	0	1	44	2	
	<b>Nhóm 3:</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>88</b>	<b>4</b>	
6230116	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	2	30	2	28	0	0	0	0	2	
6230117	LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
	<b>Nhóm 4:</b>	<b>4</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>88</b>	<b>4</b>	
6230118	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại	2	30	2	28	0	0	0	0	2	
6230119	LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại	2	90	0	0	0	0	2	88	2	
	<b>Nhóm 5:</b>	<b>4</b>	<b>105</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>4</b>	
6230121	Điều dưỡng phòng mổ	2	60	1	14	0	0	1	44	2	
6230121	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	2	45	1	14	1	29	0	0	2	(#)
<b>Tổng cộng</b>		<b>44</b>	<b>1170</b>	<b>22</b>	<b>308</b>	<b>10</b>	<b>290</b>	<b>12</b>	<b>528</b>	<b>44</b>	

### **Ghi chú:**

(!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

(||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học

(#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ.

2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinh viên phải tự học 1 giờ.

1 tín chỉ tương đương 1 cột kiểm tra.

### **4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

- Áp dụng theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ban hành ngày 13/3/2017 về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

#### **4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo**

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.

- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học. Thời gian thực học được tính bằng thời gian tổ chức học tập các môn học. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng

- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau :

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút ; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

#### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

#### 4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.



- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất ½ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học

#### **4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại**

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau

- + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- + Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Số lần dự thi kết thúc môn học:

- + Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.

- + Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác

- Người học phải thi lại nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu
- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

#### **4.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**